

Số: 193 /2024/QĐST-HNGĐ

S, ngày 27 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S – TP. ĐÀ NẴNG.

Căn cứ các Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 194/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:*

Ông **Trần Đức N**, sinh năm: 1985. Địa chỉ: **Tổ I A, quận S, thành phố Đà Nẵng.**

Bà **Lê Phan Thục Q**, sinh năm: 1989. Địa chỉ: **Tổ I A, quận S, thành phố Đà Nẵng.** Chỗ ở hiện nay: **K L, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông **Trần Đức N** và bà **Lê Phan Thục Q** kết hôn năm 2016 có đăng ký tại **UBND phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng** theo giấy chứng nhận kết hôn số 31 ngày 14/4/2016. Hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2] Tại phiên hòa giải, ông **Trần Đức N** và bà **Lê Phan Thục Q** xác định: Quá trình chung sống hai bên phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, thường xảy ra cãi vã. Nay ông bà xác định không còn yêu thương nhau nên đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn cho ông, bà.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông **Trần Đức N** và bà **Lê Phan Thục Q** thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, tôn trọng, chung thủy quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng bà **Q**, ông **N** lại không làm được điều này. Tại phiên hòa giải thì ông bà đều xác định không còn tình cảm với nhau. Xét thấy, hiện mâu thuẫn của ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của bà **Q**, ông **N** là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: ông **Trần Đức N** và bà **Lê Phan Thục Q** xác định có 02 con chung là **Trần Nguyên K** – sinh ngày 11/12/2016 và **Trần Nhật M** – sinh ngày 03/6/2024. Ly hôn hai bên thỏa thuận giao con **Trần Nguyên K** cho ông **Trần Đức N** trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Giao con **Trần Nhật M** cho bà **Lê Phan Thục Q** trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật, không ai được ngăn cản. Khi cần thiết vì quyền, lợi ích con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: bà **Q**, ông **N** xác định không có tài sản chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Các vấn đề khác: bà **Q**, ông **N** xác định không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Về lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng ông **N** và bà **Q** mỗi người chịu 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông

bà đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0002823 ngày 14/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà **Lê Phan Thục Q** và ông **Trần Đức N** (*Giấy chứng nhận kết hôn số 31 ngày 14/4/2016 do UBND phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng cấp không còn giá trị pháp lý*).

- Về quan hệ con chung: ông **Trần Đức N** và bà **Lê Phan Thục Q** xác định có 02 con chung là **Trần Nguyên K** – sinh ngày 11/12/2016 và **Trần Nhật M** – sinh ngày 03/6/2024. Ly hôn hai bên thỏa thuận giao con **Trần Nguyên K** cho ông **Trần Đức N** trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Giao con **Trần Nhật M** cho bà **Lê Phan Thục Q** trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật, không ai được ngăn cản. Khi cần thiết vì quyền, lợi ích con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: bà **Q**, ông **N** xác định không có tài sản chung nên Tòa án không đề cập giải quyết.

- Các vấn đề khác: bà **Q**, ông **N** xác định không có nợ chung nên Tòa án không đề cập giải quyết.

2. Về Lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng ông **N** và bà **Q** mỗi người chịu 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông bà đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0002823 ngày 14/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận S, ĐN;
- Chi cục THADS quận S, ĐN;
- UBND phường A, S, Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hạnh